

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 160/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Kha

2. Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm
công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về
“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXX-ST ngày 15/8/2022
và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐ-ST ngày 29/8/2022 giữa các đương
sự:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H ; Sinh năm : 1988 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn :** Chị Tạ Thị G; Sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động
tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Tạ Thị G tại Việt Nam là thôn L, xã L, huyện T,
tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 20/7/2022 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Tạ Thị G đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang ngày 22/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình anh, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và có 2 con chung. Đến năm 2015 thì chị G đòi đi lao động tại nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của anh nhưng chị G vẫn quyết định đi. Sau khi đi nước ngoài được vài tháng thì chị G có liên lạc về gia đình, sau đó thì chị G cắt đứt liên lạc với anh, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Sau 5 năm thì anh cũng cố liên lạc và vận động chị G về với gia đình cho các con đỡ tủi thân khi thiếu mẹ nhưng chị G nhất quyết không về. Kể từ khi đi nước ngoài đến nay chị G vẫn chưa về nước, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị G.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và anh không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh H còn trình bày: Hiện nay chị G vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị G ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị G, chị G vẫn liên lạc về cho chị gái chị G là chị Tạ Thị L, SN 1982, trú tại: Thôn C, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, nhưng chị L cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị G được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị G.

Tại đơn trình bày hai cháu Nguyễn Hoàng Gia B và cháu Nguyễn Gia H trình bày: Các cháu là con của bố Nguyễn Văn H và mẹ Tạ Thị G, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn H. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của

các cháu là được ở với bố cháu là Nguyễn Văn H.

Bị đơn chị Tạ Thị G không có bản tự khai.

Ngày 25/7/2022 và ngày 02/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với chị gái của chị Tạ Thị G là chị Tạ Thị L, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Chùa, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu chị L thông báo cho chị G biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị G; yêu cầu chị G viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu chị L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị G ở nước ngoài. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc chị L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị G ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng chị không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị G ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị G, đồng thời chị cũng không đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị G biết để chị G gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị G gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Tạ Thị G vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh H; Biên bản làm việc với chị gái của chị G là chị Tạ Thị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị G không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị G; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Tạ Thị G là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 271; điều 273; điều 150; khoản 1, 2 điều 479 BLTTDS; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Tạ Thị G.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012 cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do anh H không yêu cầu. Chị Tạ Thị G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

Về án phí : Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

Đối với bị đơn chị Tạ Thị G vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với chị gái của chị G là chị Tạ Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị L thông báo cho chị G biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị G; Yêu cầu chị G viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu chị L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị G ở nước ngoài. Chị Tạ Thị L trình bày: Chị G ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà chị L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị G cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị G biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Tạ Thị G theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn có đơn xin ly chị Tạ Thị G, chị G hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 15531/QLXNC-P5 ngày 26/7/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị G đã xuất cảnh ngày 10/4/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị G ở Việt Nam là: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước

ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị G kết hôn ngày 22/6/2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc và có 2 con chung. Đến năm 2015 thì chị G đòi đi lao động tại nước ngoài nhưng không được sự đồng ý của anh nhưng chị G vẫn quyết định đi. Sau khi đi nước ngoài được vài tháng thì chị G có liên lạc về cho gia đình, sau đó thì chị G cắt đứt liên lạc, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Sau 5 năm thì anh cũng cố liên lạc và vận động chị G về với gia đình cho các con đỡ tủi thân khi thiếu mẹ nhưng chị G nhất quyết không về. Kể từ khi đi nước ngoài đến nay chị G vẫn chưa về nước, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị G.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh H và chị G chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì chị G đã đi sang nước ngoài lao động nhưng không được sự đồng ý của anh, chị G đi nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau thời gian gần đây thì vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Tạ Thị G.

[4]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Tạ Thị G có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012. Hiện nay hai cháu B và cháu H đang ở với anh H, ly hôn anh H đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị G đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Tạ Thị G từ khi đi nước ngoài thì 2 cháu Nguyễn Hoàng

Gia B và cháu Nguyễn Gia H vẫn do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ và tại đơn trình bày thì các cháu B và Huy đều có nguyện vọng muốn được ở với anh H. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về nuôi con chung. Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Tạ Thị G có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Tạ Thị G.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày

13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Tạ Thị G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Tạ Thị G về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000523 ngày 20/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Tạ Thị G hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Noinhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Liên Chung, Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 10 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Tại trụ sở TAND tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha

Bà Nguyễn Thị Phú

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ
ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H ; Sinh năm : 1988

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn :** Chị Tạ Thị G; Sinh năm : 1991

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Tạ Thị G tại Việt Nam là thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Tạ Thị G.

2.Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 13/10/2009 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 07/01/2012 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Tạ Thị G có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Tạ Thị G về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000523 ngày 20/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Tạ Thị G hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 8 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Kha Nguyễn Thị Phú

Nguyễn Trung Thông